BẢNG THEO DÕI BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 766/QĐ-TTG

Đến ngày 13/4/2024

STT	Tên Cơ quan	Mã Đơn vị	Công bố vào thứ 2 hàng tuần								
			Số hoá Hồ sơ (Chứng thực điện tử), tỷ lệ quy định từ 100%	Thanh toán trực tuyến, tỷ lệ quy định 50%	Chỉ tiêu dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ quy định 50%	Chỉ tiêu mức độ hài lòng tỷ lệ quy định 100%	Chỉ tiêu Tiến độ giải quyết, Tỷ lệ quy định 90-100%	Chỉ tiêu Công khai minh bạch, tỷ lệ quy định 80%-	Chỉ tiêu Tổng hợp 22/04/2024	Tăng giảm so với tuần trước	Chỉ tiêu Tổng hợp 05/04/2024
	Xã, thị trấn		Nhóm V	Nhóm III	Nhóm III	Nhóm IV	Nhóm II	Nhóm I			
1	UBND xã Vĩnh Phú	H01.29.32	82.00%	99.80%	84.30%	100%	99.93%	100%	87.34	-2.41	89.75
2	UBND xã Vĩnh Trạch	H01.29.33	82.00%	99.26%	89.5%	100%	99.61%	100%	88.95	-0.02	88.97
3	UBND xã An Bình	H01.29.24	81,8%	92.50%	99.2%	100%	99.94%	100%	88.61	-0.01	88.62
4	UBND xã Mỹ Phú Đông	H01.29.25	81.90%	93.70%	93.80%	100%	99.86%	100%	88.47	0.61	87.86
5	UBND xã Vọng Thê	H01.29.26	79.50%	100%	70.40%	100%	100%	100%	88.47	0.09	88.38
6	UBND xã Phú Thuận	H01.29.34	81.90%	93.82%	99.30%	100%	99.19%	100%	88.47	1.07	87.4
7	UBND TT Óc Eo	H01.29.22	82.20%	92.44%	97.50%	100%	99.42%	100%	88.28	0	88.28
8	UBND xã Bình Thành	H01.29.28	82.00%	97.09%	92.80%	100%	99.42%	100%	88.24	0	88.24
9	UBND xã Định Thành	H01.29.31	80.40%	92.88%	91.50%	100%	99.10%	97%	87.88	2.55	85.33
10	UBND xã Vĩnh Chánh	H01.29.36	82.10%	96.68%	99.4%	100%	97.86%	91.7%	87.8	-0.06	87.86
11	UBND xã Vọng Đông	H01.29.27	75.90%	87.07%	54.00%	100%	98.27%	100%	87.28	0.03	87.25
12	UBND TT Núi Sập	H01.29.20	81.30%	80.08%	97.9%	100%	100%	94.1%	87.49	-0.11	87.6
13	UBND xã Định Mỹ	H01.29.30	82.00%	91.95%	97.30%	100%	100%	89.00%	86.75	-0.43	87.18
14	UBND xã Thoại Giang	H01.29.29	77.60%	92.42%	59.70%	100%	99.78%	94.8%	86.67	-0.04	86.71
15	UBND xã Tây Phú	H01.29.23	80.80%	93.19%	78.20%	100%	96.38%	91.4%	88.66	1.78	86.88
16	UBND xã Vĩnh Khánh	H01.29.35	78.40%	98.15%	98.3%	100%	100%	100%	86.64	0.17	86.47
17	UBND TT Phú Hòa	H01.29.21	82.10%	92.68%	80.60%	100%	86.92%	100%	86.57	-0.12	86.69
Toàn huyện đạt			73.70%	61.69%	73.60%	100%	99.10%	**100**	**87.34**		87.33
Tăng giảm so với Tuần trước			**0.8**	**-0.11**	**1.1**	**0**	**1**	**0**	**0.06**		